**Thứ ….., ngày …. tháng ….. năm……**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**BÀI: PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức kỹ năng:

- Xây dựng biện pháp trừ các số có bốn chữ số (không nhớ, có nhớ không quá hai lượt, không liên tiếp).

-Trừ nhẩm trong phạm vi 10 000.

- Củng cố mối quan hệ giữ phép cộng và phép trừ.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10 000 và độ dài đường gấp khúc.

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cô giao.

- Trách nhiệm: Tự giác trong việc tự học, hoàn thành nhiệm vụ cô giao.

- Trung thực: Chia sẻ chân thật nhiệm vụ học tập của cá nhân với bạn.

3. Năng lực chung:

**- Tự chủ và tự học:** Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động.

**- Giao tiếp và hợp tác:** Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của cô.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

4. Năng lực đặc thù:

**- Giao tiếp toán học:** Củng cố ý nghĩa của phép cộng, tên gọi các thành phần của phép cộng, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép cộng.

 **- Tư duy và lập luận toán học:** Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100;

**- Sử dụng công cụ, phương tiện toán học:** Thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 10 000.

**- Giải quyết vấn đề toán học:** không nhớ, có nhớ không quá hai lượt, không liên tiếp.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: - Sách Toán lớp 3; bảng phụ, bảng nhóm;

**2. Học sinh: -** Sách học sinh, vở bài tập; viết chì, viết mực, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Hoạt động Khởi động: (5 phút)**

**\* Trò chơi: Hái hoa kiến thức**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: trò chuyện, cá nhân. |
| - Trên mỗi bông hoa, có ghi yêu cầu: Đặt tính rồi tính: 7 841- 2 630; 7 161- 547; 3 638 – 1 326 HS lên hái hoa và thực hiện yêu cầu.- HS làm đúng phép tính được thưởng tràn vỗ tay.- GV gọi HS lên hái hoa, HS làm đúng GV gọi HS nhận xét, GV nhận xét tuyên dương HS.- GV nhận xét chung. | - 3 HS lên hái hoa.- Dự kiến trả lời của HS: 4 411; 6 614; 2 312 |
| **2. Hoạt động Luyện tập và vận dụng (30 phút)** |
| **2.1 Hoạt động 1 (7 phút) Bài 1:** Áp dụngphép trừ trong phạm vi 10 000a. Mục tiêu: Biết trừ các số trong phạm vi 10 000 và biết quan hệ của hai phép tính tương ứng.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phân tích,thực hành, làm việc cá nhân |
| **-** Gọi HS đọc yêu cầu bài 1.- Gợi ý hướng dẫn phân tích đề+ Bài yêu cầu làm gì?+ Dòng đâu thực hiện tính như thế nào?+ Dòng sau dựa vào đâu để tìm kết quả?- Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?**-** Tương tự câu b cách làm giống câu a.- YC HS làm vào tập, 2 HS làm bảng con- Gọi HS trình bày bài làm- HS trình bày bài làm. HS nhận xét.- GV nhận xét: dựa vào phép tính đầu và quan hệ hai phép tính tương ứng 4 719 – 2 307 = 7 026 (Vậy 2 307 + 2 412 = 4 719).  | - Hs đọc yêu cầu.- Dự kiến câu trả lời của HS+ Điền số+ Đặt tính rồi tính+ Dựa vào quy tắc tìm số bị trừ.+ Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.- HS làm bàia) 4 719 – 2 307 = 7 026 (Vậy 2 307 + 2 412 = 4 719). b) 2 164 – 815 = 1 349 (Vậy 815 + 1 349 = 2 164) |
| **2.2 Hoạt động 2 (7 phút): Bài 2:** Áp dụngphép trừ trong phạm vi 10 000 để tính giá trị biểu thức.a. Mục tiêu: Thực hiện phép trừ các số trong phạm vi 10 000 và chọn đúng giá trị của biểu thứcb. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phân tích,thực hành, làm việc cá nhân, thảo luận nhóm bốn. |
| - Gọi HS đọc yêu cầu bài 2 - Gợi ý hướng dẫn phân tích đề- Bài 2 yêu cầu làm gì?- GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm bốn: Tìm giá trị mỗi biểu thức (kết quả mỗi phép trừ) rồi chọn giá trị (số trong hình tròn) phù hợp.- Mỗi HS thực hiện cá nhân một phép tính rồi chia sẻ nhóm bốn. Cả nhóm thống nhất cách lựa chọn giá trị phù hợp với biểu thức.- GV yêu cầu HS trình bày bài làm- HS thi đua nối phép với kết quả - Gọi các nhóm nhận xét, GV nhận xét.- GV nhắc lại các thuật ngữ biểu thức là các phép tính trừ, giá trị của biểu thức là kết quả của phép tính. | - HS đọc yêu cầu- Dự kiến câu trả lời của HS+ Bài 2 yêu cầu chọn giá trị phù hợp với biểu thức- HS làm bài nhóm bốn- HS thi đua nối phép với kết quả4 857 – 657 = 4 2002 819 – 1 411 = 1 4085 918 – 3 865 = 2 0536 231 – 3 904 = 2 327 |
| **2.3 Hoạt động 3 (7 phút) Bài 3: Áp dụng phép trừ giải bài toán có lời văn**a. Mục tiêu: Giải được bài toán có lời văn b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phân tích,thực hành, làm việc cá nhân |
| **-** Gọi HS đọc yêu cầu bài 3 - Bài toán cho biết gì?- Bài toán hỏi gì?**-** GV**:** Hỏi số bông hồng đỏ nhiều hơn số bông hồng vàngtức là tìm phần hơn.- Phần hơn = Số lớn - Số bé- Số lớn là bao nhiêu?- Số bé là bao nhiêu?**-** GV:Vậy muốn biếtsố bông hồng đỏ bà Tư thu hoạch được nhiều hơn số bông hồng vàng là bao nhiêu ta làm sao?- GV yêu cầu HS làm vào vở (cá nhân)- 1 HS làm bảng phụ- Yêu cầu HS trình bày bài làm- GV gọi HS nhận xét- GV nhận xét**-** GV hướng dẫn HS thử lại: Các em có thể dựa vào mối quan hệ giữa số lớn, số bé và phần hơn để thử lại:Số bé + Phần hơn = Số bé3 463 + 1 730 = 5 193  | - HS đọc bài 3- Dự kiến trả lời của HS+ Bà Tư thu hoạch được 5 193 bông hồng đỏ và 3 463 bông hồng vàng.+ Hỏi số bông hồng đỏ bà Tư thu hoạch được nhiều hơn số bông hồng vàng là bao nhiêu?+ Số lớn là 5 193 + Số bé là 3 463 + Ta lấy số bông hồng đỏ trừ đi số bông hồng vàng - HS làm vào vở.- HS làm bảng phụ- HS trình bày bài làm Bài giài 5 193 + 3 463 = 1 730Số bông hồng đỏ nhiều hơn số bông hồng vàng là 1 730 bông.- HS chú ý |
| **2.4 Hoạt động 4 (7 phút): Áp dụng phép trừ tính độ dài đoạn thẳng** **đường gấp khúc ABCD.**a. Mục tiêu: HS tìm được độ dài đoạn thẳng BC của đường gấp khúc ABCD.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phân tích, thực hành, làm việc cá nhân, thảo luận nhóm bốn. |
| **-** Gọi HS đọc yêu cầu bài 4 - Bài toán cho biết gì?- Bài toán yêu cầu tìm gì?- GV vẽ hình lên bảng vừa hỏi:+ Đường gấp khúc ABCD gồm mấy đoạn thẳng, đó là những đoạn thẳng nào?+ Ngoài đường gấp khúc ABCD còn đường gấp khúc nào?**-** GV:Vậy để tìmđộ dài đoạn thẳng BC là bao nhiêu ta làm sao? Yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn tìm độ dài đoạn thẳng BC.- GV gọi đại diện nhóm trình bày- GV yêu cầu HS nêu cách tính- GV gọi HS nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét. | - HS đọc bài 4- Dự kiến trả lời của HS+ Chiều dài đường gấp khúc ABCD là 1 200 mm+ Chiều dài đường gấp khúc ABC là 900 mm+ Chiều dài đường gấp khúc BCD là 700 mm+ Độ dài đoạn thẳng BC là bao nhiêu mm?+ Đường gấp khúc ABCD gồm ba đoạn thẳng, đó là những đoạn thẳng AB, BC, CD.+ Đường gấp khúc ABC+ Đường gấp khúc BCD- HS thảo luận nhóm - Đại diện nhóm trình bày+ Độ dài đoạn thẳng BC là 400 mm+ HS vừa trả lời vừa chỉ trên hình vẽ: Em lấy độ dài đường gấp khúc ABCD trừ độ dài đường gấp khúc ABC: 1200 – 900 = 300 mm, do hơn một đoạn thẳng vậy CD = 300mm. để tính độ dài đoạn thẳng BC em lấy chiều dài đường gấp khúc BCD trừ đoạn thẳng CD: 700 – 300 = 400 mm.  |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: hỏi đáp, cá nhân |
| **-** GV yêu cầu HS nêu lại cách tính và đặt tính của phép trừ các số trong phạm vi 10 000.- GV: Khi thực hiện tính các em lưu ý việc có nhớ.- Dặn dò sau bài học- Nhận xét tiết học | - HS nêu đặt tính thẳng cột, thực hiện tính từ phải sang trái.- HS chú ý lắng nghe.- HS chú ý lắng nghe.- HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................